BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE

NGÀNH ĐÀO TẠO: Y TẾ CÔNG CỘNG

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

HÀ NỘI - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Y tế công cộng (Public Health)

Mã ngành: 52720301

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01 /2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Y tế công cộng có y đức, sức khoẻ, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở, y tế công cộng để tham gia phát hiện và tổ chức giải quyết các vấn đề sức khoẻ ưu tiên trong cộng đồng; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của các nguyên lý Y tế công cộng.
- Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của cộng đồng về các nhu cầu sức khoẻ và các giải pháp can thiệp nhằm nâng cao sức khoẻ cộng đồng.
- Cầu thị và hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành.
- Trung thực và khách quan, có tinh thần ham học, vượt khó khăn, tự học vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

Về kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho Y tế công cộng

- Trình bày được các nguyên lý và khái niệm cơ bản về y tế công cộng

- Trình bày được cách phát hiện và xử trí các vấn đề sức khoẻ phổ biến ở cộng đồng

- Trình bày được các yếu tố quyết định sức khỏe

- Nắm vững phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, nâng cao sức khỏe

- Nắm vững kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học

- Nắm vững chính sách, pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân

Về kỹ năng

- Xác định các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khoẻ của cộng đồng.

- Xác định được các vấn đề sức khoẻ ưu tiên của cộng đồng và đưa ra những chiến lược và biện pháp giải quyết thích hợp.

- Lập kế hoạch, đề xuất những giải pháp và tổ chức các hoạt động bảo vệ chăm sóc sức khoẻ cho cộng đồng.

- Theo dõi và tham gia đánh giá được việc thực hiện các chương trình sức khoẻ tại cộng đồng.

- Giám sát, phát hiện sớm bệnh dịch và tổ chức phòng chống dịch tại cộng đồng.

- Giáo dục sức khoẻ cho cộng đồng nhằm xây dựng lối sống và hành vi có lợi cho sức khoẻ.

2. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- ***Khối lượng kiến thức tối thiểu***: 130 tín chỉ (TC), chưa kể các học phần Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục quốc phòng – An ninh (165 tiết).

- ***Thời gian đào tạo***: 4 năm

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	Tín chỉ
1	**Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu** (chưa kể các phần nội dung: Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)	35
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu**, trong đó:	
	Kiến thức cơ sở ngành	18
	Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	44
	Kiến thức bổ trợ (Tự chọn)	29
	Thực tập nghề nghiệp	6
Tổng cộng		**130**

3. KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương ***32 TC(22 LT-10 TH)***

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
Các môn chung				
1.	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5	0
2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3.	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3	0
4.	Ngoại ngữ (có NN chuyên ngành)	8	3	5
5.	Tin học đại cương	2	1	1
6.	Giáo dục thể chất*	3*		
7.	Giáo dục quốc phòng – An ninh*	165 tiết*		
Các môn cơ sở khối ngành				
8.	Xác suất - Thống kê y học	2	2	0
9.	Sinh học và di truyền	2	1	1
10.	Hóa học	2	1	1
11.	Vật lý - Lý sinh	2	1	1

12.	Nghiên cứu khoa học	2	1	1
13.	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	2	0
Tổng cộng		**32***	**22***	**10***

**Chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh*

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành 18 TC (10 LT-8 TH)

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1.	Hóa sinh	2	1	1
2.	Giải phẫu	2	1	1
3.	Sinh lý	2	1	1
4.	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	1	1
5.	Vi sinh	2	1	1
6.	Ký sinh trùng	2	1	1
7.	Các bệnh thông thường 1	3	2	1
8.	Các bệnh thông thường 2	3	2	1
Tổng cộng		**18**	**10**	**8**

3.1.2.2. Kiến thức ngành 44 TC (32 LT- 12 TH)

TT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1.	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	2	0
2.	Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản	2	2	0
3.	Quản lý dịch vụ y tế	3	3	0
4.	Kế hoạch y tế	3	2	1
5.	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	2	2	0
6.	Chính sách y tế	2	2	0
7.	Dịch tễ học cơ bản	2	2	0

8.	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	2	1	1
9.	Phòng chống thảm họa	2	2	0
10.	Sức khỏe môi trường cơ bản	2	1	1
11.	Sức khoẻ nghề nghiệp cơ bản	2	1	1
12.	Nâng cao sức khỏe	3	2	1
13.	Sức khoẻ sinh sản	2	2	0
14.	Dân số và phát triển	2	2	0
15.	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2	1	1
16.	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1
17.	Nhân học và Xã hội học Sức khỏe	3	3	0
18.	Nghiên cứu định tính	2	1	1
19.	Thực tập cộng đồng 1 (năm thứ hai)	2	0	2
20.	Thực tập cộng đồng 2 (năm thứ ba)	2	0	2
Tổng cộng		**44**	**32**	**12**

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin **5 TC**

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh **2 TC**

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam **3 TC**

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Ngoại ngữ **8 TC**

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ cần thiết cho giao tiếp thông thường và chuyên ngành Y tế công cộng; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu Y văn. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương **2 TC**

Nội dung bao gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word. Dùng Excel và làm các bài toán ứng dụng thông thường và sử dụng các dịch vụ cơ bản của Interrnet.

6. Giáo dục thể chất **3 TC**

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Giáo dục quốc phòng và an ninh **7 TC**

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

8. Xác suất - Thống kê y học: **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê

phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học nhằm giúp cho công tác thống kê, báo cao và nghiên cứu khoa học.

9. Hóa học **2 TC**

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hoá học, hoá hữu cơ, hoá phân tích và các ứng dụng còng như ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.

10. Sinh học và Di truyền **2 TC**

Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

11. Vật lý và Lý sinh **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

12. Nghiên cứu khoa học **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Xác suất – thống kê y học.

Nội dung gồm kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tương nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và sử lý số liệu.

13. Tâm lý y học - Đạo đức y học **2 TC**

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

14. Hóa sinh **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hoá học

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh, bao gồm: các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào sống của cơ thể, các nguyên tắc và ý nghĩa của một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường.

15. Giải phẫu **2 TC**

Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm giải phẫu đại thể của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người; kiến thức về chức năng, hoạt động của các cơ quan và mối liên hệ với dấu hiệu lâm sàng.

16. Sinh lý **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, lý sinh, hóa học

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của cơ quan, hệ thống cơ quan và chức năng điều hoà trong mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể, giữa cơ thể với môi trường bên ngoài

17. Sinh lý bệnh - miễn dịch **2 TC**

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh, những rối loạn chức năng của các cơ quan trong quá trình bệnh lý phổ biến; vai trò của hệ thống miễn dịch và những cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch

18. Vi sinh **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm cơ bản nhất về cấu tạo, chuyển hóa, di truyền của vi khuẩn, vi rút và mối quan hệ cơ thể - vi sinh vật, đặc biệt là những vi sinh vật liên quan đến khả năng gây bệnh, dịch tại cộng đồng, các nguyên tắc phòng và chống các bệnh, dịch liên quan đến vi sinh vật.

19. Ký sinh trùng **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm những kiến thức về cấu tạo, hoạt động và đặc tính ký sinh của một số loại ký sinh trùng gây bệnh hoặc liên quan đến các bệnh ở người, trong đó điển hình là các loài giun sán, các loài tiết túc truyền bệnh; các loài nấm và ký sinh trùng khác; các nguyên tắc cơ bản trong phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng ở mức độ cơ thể và cộng đồng.

20. Các bệnh thông thường 1 **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh và miễn dịch học, Vi sinh.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh học; nguyên nhân, mối liên quan giữa môi trường và bệnh lý ở người; các triệu chứng cơ bản, phương pháp phòng và điều trị một số bệnh thường gặp tại cộng đồng.

21. Các bệnh thông thường 2 **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Bệnh thông thường 1

Môn học Bệnh thông thường 2 là phần tiếp theo và bổ trợ cho phần Bệnh thông thường 1. Nội dung gồm các vấn đề về chấn thương và những cấp cứu thường gặp tại cộng đồng; những nguyên tắc, kỹ năng sơ cấp cứu chấn thương, tai nạn tại cộng đồng.

22. Tổ chức và quản lý hệ thống y tế **2 TC**

Nội dung gồm các thông tin tổng quan, cơ bản về tổ chức và quản lý hệ thống y tế như đặc điểm, cấu trúc tổ chức, chức năng và các thành phần cơ bản của hệ thống y tế.

23. Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản **2 TC**

Nội dung gồm khái niệm và nguyên lý cơ bản của quản lý; các kỹ năng quản lý cơ bản cho sinh viên để vận dụng vào môi trường làm việc trong tương lai.

24. Quản lý dịch vụ y tế **3 TC**

Nội dung mô tả hệ thống cung cấp dịch vụ dự phòng và khám chữa bệnh. Bao gồm các kiến thức tổng quan về y tế dự phòng và phân cấp quản lí y tế dự phòng, cách triển khai, theo dõi, đánh giá các hoạt động và kết

quả công tác y tế dự phòng; các kiến thức về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh và phòng bệnh các tuyến từ trung ương đến xã; các phương pháp và công cụ đảm bảo chất lượng dịch vụ y tế .

25. Kế hoạch y tế **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế, Nguyên lý Quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản**,** Quản lý dịch vụ y tế

Nội dung gồm những khái niệm, kỹ năng và công cụ cơ bản liên quan đến lập kế hoạch để ứng dụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau tốt nghiệp.

26. Quản lý tài chính và kinh tế y tế **2 TC**

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về kinh tế học để phân tích và giải thích hành vi sử dụng, cung cấp dịch vụ y tế; các vấn đề thực tiễn liên quan đến các nguồn tài chính y tế, phương thức chi trả, bức tranh tổng thể về mô hình tài chính y tế Việt Nam, những khó khăn và phương pháp quản lý tài chính y tế, để ứng dụng trong đánh giá các can thiệp y tế, cung cấp bằng chứng khoa học trong xây dựng các chính sách quản lí y tế, quản lý kinh tế ngành và xây dựng hệ thống y tế công bằng, hiệu quả.

27. Chính sách y tế **2 TC**

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng cơ bản về chính sách y tế, về hệ thống chính sách và qui trình chính sách y tế Việt Nam ở các cấp, đặc biệt ở cấp cơ sở.

28. Dịch tễ học cơ bản **2 TC**

Nội dung gồm những khái niệm cơ bản trong đo lường bệnh trạng, đo lường sự kết hợp, nguyên lý và thiết kế cơ bản của dịch tễ học và ứng dụng của các thiết kế trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng.

29. Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế **2 TC**

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng phân loại các nguyên nhân gây bệnh và tử vong dựa trên phân loại chuẩn quốc tế ICD-10; các kiến thức, kỹ năng trong đánh giá các nguyên nhân bệnh tật và tử vong theo các cấp độ chi tiết khác nhau; các kỹ năng lưu trữ, phân tích dữ liệu dựa trên các nguyên tắc mã hóa và chuẩn hóa số liệu y/sinh học.

30. Phòng chống thảm họa **2 TC**

Nội dung gồm những khái niệm cơ bản về thảm họa và kiến thức cơ bản về quản lí thảm họa; kiến thức về hậu quả của thảm họa và phương pháp quản lý những hậu quả của thảm hoạ.

***31. Sức khỏe môi** trường* cơ bản **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa sức khoẻ, môi trường và bệnh tật. Các yếu tố nguy cơ của môi trường ảnh hưởng đến sức khoẻ và các biện pháp phòng chống.

32. Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp; phân loại các yếu tố tác hại nghề nghiệp; nguyên nhân cơ bản gây bệnh và tai nạn thương tích nghề nghiệp, úng dụng quản lý và chăm sóc sức khỏe người lao động trong hoàn cảnh cụ thể.

33. Nâng cao sức khỏe **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Quản lí dịch vụ y tế, Tâm lý y học – Đạo đức y học, Nhân học và Xã hội học sức khỏe

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các yếu tố quyết định sức khỏe, hành vi sức khỏe, chăm sóc sức khỏe ban đầu, lí thuyết về hành vi, giáo dục sức khỏe, các cách tiếp cận và chiến lược hành động nâng cao sức khoẻ.

34. Sức khỏe sinh sản **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm những kiến thức và thực hành cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản tại Việt Nam; các kiến thức cơ bản về sức khỏe tình dục, giới, quyền và sự tham gia của nam giới trong dịch vụ sức khỏe sinh sản..

35. Dân số và phát triển **2 TC**

Môn học này gồm hai phần chính: Dân số học và Dân số và phát triển.

Nội dung gồm các kiến thức và khả năng phân tích về biến động dân số và những tác động qua lại của các quá trình dân số với các vấn đề phát triển. Phần dân số học cung cấp kiến thức về qui mô, cơ cấu dân số và các biến động dân số. Phần dân số và phát triển cung cấp kiến thức về mối quan hệ, tác động qua lại giữa dân số và các vấn đề phát triển (như kinh tế, giáo dục, y tế, môi trường, bình đẳng giới...), cơ sở xây dựng chính sách dân số phù hợp với từng đặc điểm phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia.

36. Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, Sinh lý, Vi sinh, Ký sinh trùng, Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản, Nâng cao sức khỏe.

Nội dung gồm những kiến thức và nguyên lý cơ bản về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, một số vấn đề dinh dưỡng và thực phẩm đang nổi cộm ở Việt Nam, một số kỹ thuật cơ bản về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

37. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản, Xác suất – Thống kê y học, Nâng cao sức khỏe, Kế hoạch y tế, Chính sách y tế, Nhân học và Xã hội học sức khỏe

Nội dung gồm những kiến thức và kỹ năng cho hoạt động lập kế hoạch cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng toàn diện cho người khuyết tật.

38. Nhân học và Xã hội học sức khỏe **3 TC**

Nội dung gồm những kiến thức và khả năng phân tích các vấn đề sức khỏe và bệnh tật một cách khái quát; xác định các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe trong quá trình xây dựng các chương trình can thiệp của Y tế công cộng.

39. Nghiên cứu định tính **2 TC**

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu định tính, kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện nghiên cứu định tính một cách độc lập hoặc liên kết với các nhóm ngành; thiết kế các chương trình y tế phù hợp với văn hóa và bối cảnh địa phương, định hướng cho các nghiên cứu chuyên biệt, hoặc thực hiện đánh giá định tính các chương trình y tế.

40. Thực tập cộng đồng 1 **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Bệnh thông thường 1 và 2.

Thực tập cộng đồng 1 tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc với cộng đồng, làm quen với thực tế công việc của cán bộ y tế tuyến huyện và xã. Đây cũng là cơ hội cho sinh viên áp dụng và củng cố những kiến thức đã được học trong năm thứ nhất và thứ hai đặc biệt là phương pháp tiếp cận cộng đồng, làm việc nhóm.

41. Thực tập cộng đồng 2 **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thực tập cộng đồng 1

Thực tập cộng đồng 2 là cơ hội cho sinh viên tiếp tục áp dụng và củng cố những kiến thức đã được học trong 3 năm đầu của chương trình Cử nhân Y tế công cộng. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, huy động cộng đồng, xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và đề

xuất biện pháp và kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên đã được xác định.

42. Thực tập cộng đồng 3 **6 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thực tập cộng đồng 2

Sinh viên sẽ được học tập và làm việc tại một cơ sở y tế phù hợp với định hướng đã chọn để áp dụng và củng cố những kiến thức lý thuyết đã được học. Tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, huy động cộng đồng, xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên đã được xác định. Sinh viên có cơ hội áp dụng và phát triển những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được từ những năm trước trong lĩnh vực cụ thể phù hợp với định hướng đã chọn vào hoàn cảnh thực tế tại đơn vị sinh viên thực tập. Sau khi hoàn thành thực tập cộng đồng 3, khả năng làm việc của sinh viên về lĩnh vực lựa chọn sẽ tăng lên, giúp cho sinh viên có thể thực hiện được những nhiệm vụ cơ bản của định hướng đã chọn.

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO CỬ NHÂN Y TẾ CÔNG CỘNG

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho ngành Y tế công cộng trình độ Đại học.

4.1. Chương trình khung đào tạo Cử nhân Y tế công cộng

Chương trình khung đào tạo Cử nhân Y tế công cộng được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường đại học có đào tạo Cử nhân Y tế công cộng.

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đó được xác định phù hợp với

khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 4 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Tuỳ theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn và áp dụng phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

Chương trình này được thực hiện trong 4 năm học. Trong đó 2,5 năm đầu tất cả sinh viên sẽ phải hoàn thành các học phần/ môn học chung với tổng số 98 tín chỉ. Sau khi học hết năm thứ 2, sinh viên sẽ lựa chọn và đăng kí định hướng chuyên ngành. 1,5 năm cuối, sinh viên sẽ học các học phần/ môn học định hướng ngành (27 TC) hay chuyên ngành (26 TC).

Lịch thực hiện các môn học phải đi theo cấu trúc của chương trình. Trừ phần kiến thức đại cương, còn tất cả các phần khác, sinh viên cần phải hoàn thành kiến thức cơ sở của khối ngành, sau đó đến kiến thức cơ sở của ngành và kiến thức ngành và cuối cùng là lựa chọn định hướng chuyên ngành trong kiến thức ngành và các môn lựa chọn.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Ngoài việc đào tạo Cử nhân Y tế công cộng chung như đã thực hiện từ trước đến nay, việc lựa chọn và đưa ra những định hướng chuyên ngành là kết quả của một quá trình làm việc với sự tham gia của người sử dụng Cử nhân Y tế công cộng, các nhà lãnh đạo, quản lý, cán bộ trực tiếp làm công tác liên quan đến Y tế công cộng ở nhiều cơ sở y tế trong cả nước. Việc xác định các định hướng chuyên ngành cũng đã được thảo luận và nhất trí giữa các trường đại học Y trong cả nước. Có 6 định hướng đã được

xác định có thể thực hiện được là:

1. Định hướng chung
2. Định hướng Dinh dưỡng – An toàn vệ sinh thực phẩm
3. Định hướng Sức khoẻ môi trường – nghề nghiệp
4. Định hướng Dịch tễ học
5. Định hướng Truyền thông – Giáo dục sức khoẻ
6. Định hướng Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Một khi sinh viên đã lựa chọn định hướng nào, sinh viên phải học đủ các học phần/ môn học đã được quy định trong định hướng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nếu có nhu cầu phát sinh, thủ trưởng các cơ sở đào tạo có thể chủ động xây dựng các học phần/ môn học cho một định hướng mới nhưng không quá 20% số tín chỉ so với chương trình khung.

Số lượng tín chỉ các học phần/ môn học tự chọn và thời gian thực tập cộng đồng giống như trong chương trình định hướng chuyên ngành. Các trường cần chú ý tiếp tục xây dựng thêm các học phần/ môn học tự chọn để đáp ứng nhu cầu người học và nhu cầu nhân lực của từng vùng miền trong từng thời kỳ phát triển và hội nhập.

4.3. Thực hành, thực tập cộng đồng

4.3.1. Thực hành

Tổ chức thực tập tại các phòng thực hành, phòng thí nghiệm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tuỳ theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, các trường quy định cụ thể về nội dung, thời gian thực tập tại các phòng thực hành, phòng thí nghiệm.

4.3.2. Thực tập cộng đồng

Thực tập cộng đồng 1: Tổ chức vào cuối năm thứ hai sau khi sinh viên đã học xong các học phần/ môn học cơ sở ngành. Địa điểm thực tập cộng đồng 1 là Trung tâm y tế huyện, Bệnh viện đa khoa huyện và Trạm y tế xã. Mục tiêu của đợt thực tập này là tạo cơ hội cho sinh viên làm quen

với tổ chức hệ thống y tế, quan sát những hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe được triển khai ở các tuyến. Tăng cường kỹ năng tiếp xúc cộng đồng và làm việc nhóm cũng là những mục tiêu quan trọng của đợt thực tập cộng đồng này.

Thực tập cộng đồng 2: Tổ chức vào cuối năm thứ ba sau khi sinh viên đã học xong một số học phần/ môn học chuyên ngành. Địa điểm thực tập cộng đồng 2 là các cơ sở y tế tuyến tỉnh (Sở y tế, Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh, Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm tỉnh); các cơ sở y tế tuyến huyện (Trung tâm y tế huyện, Bệnh viện đa khoa huyện) và Trạm y tế xã. Mục tiêu của đợt thực tập cộng đồng này là cung cấp cho sinh viên những cơ hội áp dụng những kiến thức lý thuyết đã học được trong trường vào những công việc thực tế tại các cơ sở y tế và cộng đồng. Tiếp tục xây dựng và tăng cường kỹ năng tiếp xúc cộng đồng và làm việc nhóm thông qua các hoạt động thực tế tại các cơ sở y tế.

Thực tập cộng đồng 3: Tổ chức vào học kỳ 2 năm thứ tư khi sinh viên đã học xong tất cả các học phần/ môn học trong chương trình. Sinh viên được bố trí thực tập tại các cơ sở y tế từ Trung ương tới địa phương, phù hợp với từng định hướng đã chọn. Các cơ sở y tế có thể bao gồm: các Vụ, Cục của Bộ Y tế, các viện nghiên cứu (viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Y học lao động), các Sở Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng các tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Truyền thông – Giáo dục sức khỏe tỉnh, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, ... thời gian thực tập từ 4 đến 6 tháng.

Kế hoạch thực tập cộng đồng được Hội đồng khoa học - Đào tạo của trường thông qua trước khi triển khai hàng năm. Mục tiêu cụ thể và nội dung thực tập cộng đồng phải được xem xét lại sau mỗi năm và điều chỉnh cho phù hợp, đáp ứng với nhu cầu thực tế.

4.4. Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp

Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo ngành học Cử nhân Y tế công cộng

Để đào tạo Cử nhân Y tế công cộng, ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, các trường còn phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.5.1. Tổ chức: Các Khoa/ Bộ môn của ngành tối thiểu phải có

- Khoa/ bộ môn Y học cơ sở
- Khoa/ bộ môn các Khoa học cơ bản
- Khoa/ bộ môn Sức khỏe cộng đồng
- Khoa/ bộ môn các Khoa học Xã hội – Hành vi và Giáo dục sức khỏe
- Khoa/ bộ môn Quản lý Y tế
- Khoa/ bộ môn Sức khỏe môi trường – Vệ sinh lao động Bệnh nghề nghiệp
- Khoa/ Bộ môn Ngoại ngữ

4.5.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Cơ sở đào tạo phải bảo đảm cơ sở vật chất theo qui định và hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo như giảng đường, thư viện, phòng thực tập, thực hành, trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy tích cực, phòng máy tính có kết nối internet.

Nhằm tăng cường khả năng làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp, việc chuẩn bị tốt các cơ sở thực hành, thực địa để sinh viên thực tập là hết sức quan trọng. Các cơ sở đào tạo phải xác định rõ tên những cơ sở thực hành thực địa được chọn và tiêu chuẩn lựa chọn. Đối với phòng thí nghiệm, ngoài tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và phù hợp với chuyên ngành của sinh viên, phòng thí nghiệm được chọn phải có

đội ngũ cán bộ có đủ năng lực chuyên môn và sư phạm để hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên trong suốt quá trình thực tập tại phòng thí nghiệm.

4.5.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học:

Đủ số giảng viên cơ hữu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

PHỤ LỤC

I. Danh mục các môn học/học phần tự chọn

Sinh viên sẽ lựa chọn một trong 6 định hướng sau:

1. Định hướng chung

TT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1.	Dinh dưỡng học cơ bản và khoa học thực phẩm	2	1	1
2.	Phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch dinh dưỡng và thực phẩm	2	1	1
3.	Vệ sinh học đại cương môi trường - nghề nghiệp	2	1	1
4.	Điều tra một vụ dịch	2	1	1
5.	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	3	2	1
6.	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**17**	**6**	**11**

2. Định hướng Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm

TT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1	Dinh dưỡng học cơ bản và khoa học thực phẩm	2	1	1
2	Phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch dinh dưỡng và thực phẩm	2	1	1
3	Dinh dưỡng và các vấn đề sức khoẻ cộng đồng	2	1	1
4	Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm	2	1	1
5	Quản lý nguy cơ an toàn thực phẩm	2	1	1
6	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**16**	**5**	**11**

3. Định hướng Sức khỏe môi trường – nghề nghiệp

TT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1.	Vệ sinh học đại cương môi trường - nghề nghiệp	2	1	1
2.	Sức khỏe môi trường	2	1	1
3.	Sức khỏe nghề nghiệp	2	1	1
4.	Sức khỏe trường học	2	1	1
5.	Quản lý nguy cơ Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp	2	1	1
6.	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**16**	**5**	**11**

4. Định hướng Dịch tễ học

TT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1.	Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm	2	2	0
2.	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	2	2	0
3.	Thống kê y sinh học thực hành	2	1	1
4.	Điều tra một vụ dịch	2	1	1
5.	Thiết kế đánh giá chương trình y tế	2	1	1
6.	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**16**	**7**	**9**

5. Định hướng Truyền thông – Giáo dục sức khỏe

TT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1.	Lập kế hoạch chương trình Nâng cao sức khoẻ	3	2	1
2.	Đánh giá chương trình Nâng cao sức khỏe	2	1	1
3.	Vận động trong thực hành Nâng cao sức khỏe	2	1	1
4.	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	3	2	1
5.	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**16**	**6**	**10**

6. Địnhhướng Dân số học

TT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1.	Thống kê dân số y tế	2	1	1
2.	Truyền thông về DS-KHHGĐ	2	1	1
3.	Quản lý chương trình DS-KHHGĐ	2	1	1
4.	Kinh tế Dân số y tê	2	2	0
5.	Chính sách Dân số	2	2	0
6.	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**16**	**7**	**9**

7. Các môn tự chọn khác (sinh viên của tất cả các định hướng tự chọn và đăng ký học đủ 10 tín chỉ trong số 15 tín chỉ sau)

TT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1.	Phân tích số liệu bằng STATA	3	1	2
2.	Truyền thông và tiếp thị xã hội	3	2	1
3.	Quản lí dự án	2	2	0
4.	Dịch tễ học chấn thương	2	2	0
5.	Theo dõi đánh giá	2	1	1
6.	Chương trình Phòng chống HIV/AIDS	3	2	1
Tổng cộng		**15**	**10**	**5**

II. Mô tả các môn tự chọn định hướng chuyên ngành

1. Định hướng Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm

1.1. Dinh dưỡng học cơ bản và khoa học thực phẩm: 2 TC (1 LT – 1 TH)

Điều kiện tiên quyết: Không

Khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm nghiên cứu sự tác động, mối quan hệ của các chất dinh dưỡng trong thực phẩm với sức khỏe và bệnh tật. Môn học này sẽ cung cấp những kiến thức về vai trò, nhu cầu, và nguồn thực phẩm của các chất sinh năng lượng (Protid, Carbon hydrate,

lipid) và các chất không sinh năng lượng (vitamin, khoáng chất và nước) để từ đó xác định nhu cầu dinh dưỡng của các đối tượng khác nhau (*trẻ em, vị thành niên, người trưởng thành, phụ nữ mang thai, nuôi con bú, người cao tuổi*). Bên cạnh đó môn học cung cấp thêm kiến thức về đặc điểm vệ sinh của một số nhóm thực phẩm cơ bản và thực phẩm chức năng (là vấn đề thời sự được quan tâm hiện nay)

1.2. Phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch dinh dưỡng và thực phẩm: 2 TC (1 LT- 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản, Xác suất – Thống kê y học Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản, Nâng cao sức khỏe

Môn học là sự ứng dụng và tổng hợp các kiến thức của nhiều môn học khác đã được học như Dịch tễ học cơ bản, Xác suất – Thống kê y học, Tin học, Tổ chức và quản lý hệ thống y tế. Dựa trên các nguyên tắc của khoa học quản lý, môn học này giúp sinh viên áp dụng các bước lập kế hoạch trong can thiệp dinh dưỡng và thực phẩm. Môn học này cũng sẽ cung cấp một số kỹ thuật hay được sử dụng trong nghiên cứu dinh dưỡng và ATTP cũng như các phương pháp nghiên cứu hay được ứng dụng trong nghiên cứu dinh dưỡng và ATTP (*đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng phương pháp nhân trắc học, điều tra khẩu phần ăn*).

1.3. Dinh dưỡng và các vấn đề sức khỏe cộng đồng: 2 TC (1 LT - 1 TH)

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh , Sinh lý

Chế độ ăn, dinh dưỡng có vai trò quan trọng đối với duy trì sức khỏe và có thể làm tăng nhanh gánh nặng của các bệnh. Môn học này khảo sát một cách chung nhất về vấn đề dinh dưỡng liên quan đến thiếu dinh dưỡng (suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng) và thừa dinh dưỡng (thừa cân, béo phì và các bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng). Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên các chiến lược trước đây và hiện tại nhằm ngăn ngừa và khống chế các bệnh liên quan tới chế độ ăn, dinh dưỡng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe ban đầu.

1.4. Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm:

2 TC (1 LT - 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản, Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Dinh dưỡng cơ bản và Khoa học thực phẩm

Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm đang là vấn đề nghiêm trọng đe dọa sức khỏe cộng đồng, nó có thể ảnh hưởng ngay tức thì hoặc lâu dài tới sức khỏe con người. Môn học này sẽ giúp cử nhân dinh dưỡng làm quen với các bệnh liên quan đến thực phẩm hay xảy ra ở cộng đồng và giúp họ có khả năng đánh giá nguy cơ, phát hiện, giám sát và phòng ngừa các bệnh đó một cách hiệu quả (*ngộ độc thực phẩm, các bệnh lây qua thực phẩm*). Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với đánh giá nguy cơ, quản lý nguy cơ và truyền thông nguy cơ tới các chủ thể liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm (*như người tiêu dùng, người sản xuất và người quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm).*

1.5. Quản lý nguy cơ an toàn thực phẩm: 2 TC (1LT -1TH)

Điều kiện tiên quyết: Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

Thực phẩm cung cấp các chất cần cho sự sống và phát triển của con người nhưng cũng có thể gây nên các tác hại không mong muốn nếu không đảm bảo vệ sinh an toàn. Đặc biệt thực phẩm lưu thông trên thị trường trở thành hàng hóa đặc biệt thì cần được quản lý một cách chặt chẽ hơn nữa. Môn học sẽ cung cấp những nguyên tắc cơ bản về hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn thực phẩm ở Việt Nam, đăng ký chứng nhận sản phẩm thực phẩm, ghi nhãn thực phẩm, thanh tra, kiểm tra từ sản xuất, chế biến và đóng gói thực phẩm. Sinh viên cũng được làm quen với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như GMP, GHP và HACCP. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tổ chức triển khai biện pháp quản lý vệ sinh an toàn các thực phẩm có nguy cơ ô nhiễm cao như thức ăn chế biến sẵn tại quán ăn đường phố, bếp ăn tập thể hoặc tại các cơ sở sản xuất thực phẩm.

2. Định hướng Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp

2.1. Vệ sinh học đại cương môi trường – nghề nghiệp

2 TC (1 LT - 1 TH)

Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe môi trường cơ bản, Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản

Trong môi trường sống nói chung và môi trường lao động nói riêng luôn tồn tại các yếu tố nguy cơ tiềm ẩn có thể có hại đến sức khoẻ người lao động cũng như cộng đồng dân cư nói chung. Vai trò của những người làm việc trong lĩnh vực Sức khoẻ môi trường và nghề nghiệp là xác định được các yếu tố nguy cơ tiềm ẩn này, sử dụng các kỹ thuật để đo lường, đánh giá được những nguy cơ của chúng đến sức khoẻ cũng như các ảnh hưởng khác, đồng thời đề xuất được những giải pháp, các kỹ thuật để kiểm soát các yếu tố nguy cơ này. Vệ sinh học đại cương môi trường - nghề nghiệp là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật, phương pháp phát hiện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố tác hại có trong môi trường và tại nơi làm việc. Thông qua môn học này, các Cử nhân YTCC làm việc trong lĩnh vực SKMT-NN nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật sử dụng trong theo dõi, đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy cơ trong cộng đồng và tại nơi làm việc.

2.2. Sức khỏe môi trường*:* **2 TC (1 LT - 1 TH)**

Điều kiện tiên quyết: Vệ sinh học đại cương môi trường – nghề nghiệp, Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học

Sức khỏe môi trường là một khoa học liên ngành nhằm nghiên cứu những ảnh hưởng của môi trường tới sức khỏe con người. Môn học SKMT sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến văn bản, quy định, luật hiện hành về môi trường và SKMT, hệ thống quản lý SKMT từ cấp trung ương đến cấp địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến lĩnh vực SKMT, cũng như các kiến thức và kỹ năng cần thiết để kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, không khí, chất thải rắn và chất thải y tế,

kiểm soát véc tơ truyền bệnh v.v… một cách hiệu quả nhằm góp phần nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.

2.3. Sức khỏe nghề nghiệp: 2 TC (1LT-1TH)

Điều kiện tiên quyết: Vệ sinh học đại cương môi trường – nghề nghiệp, Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản, Dịch tễ học cơ bản

Mỗi ngành nghề có những đặc điểm điều kiện lao động khác nhau, phát sinh ra các yếu tố tác hại nghề nghiệp khác nhau dẫn đến hậu quả đối với sức khỏe người lao động (thể hiện thông qua các vấn đề bệnh nghề nghiệp/tai nạn thương tích nghề nghiệp) cũng khác nhau ở các ngành nghề. Người lao động có sức khỏe tốt sẽ ảnh hưởng rất lớn tới năng suất lao động, góp phần tăng trưởng kinh tế xã hội. Môn học Sức khỏe nghề nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể phát hiện một số yếu tố nguy cơ nghề nghiệp thường gặp tại nơi làm việc, các bệnh nghề nghiệp liên quan và các biện pháp phòng chống đặc thù từ đó có khả năng tham gia vào việc quản lý và chăm sóc sức khỏe cho người lao động theo pháp luật/quy định hiện hành tại Việt Nam.

2.4. Sức khỏe trường học*:* **2 TC (1 LT – 1TH)**

Điều kiện tiên quyết: Vệ sinh học môi trường – nghề nghiệp, Sức khỏe môi trường cơ bản.

Y tế học đường ngày nay là lĩnh vực được cộng đồng rất quan tâm, đóng vai trò rất quan trọng đối với sức khỏe của trẻ em và thanh thiếu niên. Cùng với sự phát triển không ngừng về kinh tế - văn hóa – xã hội, trường học trở thành một phần không thể thiếu trong môi trường sống của trẻ. Nhiều yếu tố thuận lợi và không thuận lợi của môi trường học tập ảnh hưởng rõ rệt đến sức khỏe của trẻ. Môn học Sức khỏe trường học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sức khoẻ học sinh lứa tuổi học đường, phân tích được các yếu tố nguy cơ đối với một số bệnh và thương tích thường gặp ở lứa tuổi học đường để từ đó thể xây dựng chương trình can thiệp nhằm bảo vệ và nâng cao sức khoẻ cho học sinh.

2.5. Quản lý nguy cơ Sức khỏe môi trường-Nghề nghiệp:

2 TC (1LT - 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe môi trường cơ bản, Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản, Dịch tễ học cơ bản

Trong lĩnh vực Y tế công cộng (YTCC) nói chung và Sức khỏe môi trường-nghề nghiệp (SKMT-NN) nói riêng, phương pháp lượng giá nguy cơ là cách tiếp cận hệ thống nhằm mô tả quy mô và bản chất của các nguy cơ SKMT-NN. Để các nhà lãnh đạo đưa ra các quyết định quản lý nguy cơ SKMT-NN nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động. Trên thế giới, các phương pháp lượng giá nguy cơ SKMT và nguy cơ sức khỏe được sử dụng rộng rãi bởi nhiều tổ chức khác nhau nhằm quản lý các nguy cơ này và đây cũng là một trong các môn học chính của các chương trình đào tạo cử nhân và thạc sỹ chuyên ngành SKMT-NN tại nhiều trường đại học của Mỹ, Australia, Canađa, Singapore. Môn học Quản lý Nguy cơ SKMT-NN nhằm cung cấp cho các Cử nhân YTCC, định hướng SKMT-NN các kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể lượng giá và đưa ra các giải pháp quản lý hiệu quả các nguy cơ SKMT-NN.

3. Định hướng dịch tễ học

3.1. Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản

Môn học Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm sẽ giúp sinh viên hiểu về thực trạng, các yếu tố quyết định và các nguyên lý xây dựng và vận hành hệ thống giám sát các bệnh không truyền nhiễm từ đó đưa ra những biện pháp phòng, giám sát và kiểm soát các bệnh này trong cộng đồng một cách có hiệu quả.

3.2. Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản

Môn học Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm sẽ cung cấp cho sinh viên những nội dung liên quan tới bệnh truyền nhiễm quan trọng trên thế giới

và ở Việt Nam; nguồn lây bệnh; phương thức lây truyền và môi trường gây bệnh; những vấn đề liên quan tới hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm tại Việt Nam và những biện pháp kiểm soát các bệnh này.

3.3. Thống kê y sinh học thực hành: 2 TC (1 LT – 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất – Thống kê y học, Dịch tễ học cơ bản

Phân tích đa biến nhằm mục tiêu cung cấp các kỹ năng nâng cao về thống kê y tế, môn học này sẽ giúp cho các sinh viên có được các kỹ năng phân tích số liệu nâng cao trong phân tích số liệu bao gồm các phân tích đa biến với các giá trị đầu ra là biến liên tục hoặc nhị phân. Các kỹ thuật kiểm soát yếu tố nhiễu, tác động cũng như các phương pháp xây dựng một mô hình hồi qui tốt để đưa ra các kết luận cũng như dự đoán sẽ được cung cấp trong khóa học này.

3.4. Điều tra một vụ dịch: 2 TC (1 LT – 1 TH)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất – Thống kê y học, Dịch tễ học cơ bản

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên Cử nhân Y tế công cộng chuyên ngành Dịch tễ học những khái niệm liên quan tới dịch bệnh, kiến thức về phòng chống, xác định, kiểm soát các vụ dịch thường xảy ra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

3.5. Thiết kế đánh giá chương trình y tế: 2 TC (1 LT – 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất – Thống kê y học, Dịch tễ học cơ bản

Kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo cho thấy nhu cầu tiến hành đánh giá dự án rất cao cả ở cơ quan nhà nước và các tổ chức phi chính phủ bởi sau khi tiến hành các chương trình can thiệp, nhà quản lý đều mong muốn đánh giá được hiệu quả của chương trình can thiệp và rút ra những bài học kinh nghiệm cho những chương trình kế tiếp. Lựa chọn các thiết kế đánh giá hợp lý là một bước rất quan trọng trong đánh giá chương trình y tế bởi vậy thiết kế hợp lý sẽ giúp cho quá trình đánh giá tiết kiệm được thời gian và nguồn lực. Môn học này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để

lựa chọn và áp dụng được những thiết kế dịch tễ học vào đánh giá chương trình y tế.

4. Định hướng Truyền thông – Giáo dục sức khỏe

4.1. Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe: 3 TC (2LT-1TH)

Điều kiện tiên quyết: Nâng cao sức khỏe; Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội; Vận động trong thực hành Nâng cao sức khỏe; Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe

Môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có khả năng xác định và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên, phân tích vấn đề trong bối cảnh cụ thể để từ đó xác định được các nguyên nhân, nguy cơ, yếu tố ảnh hưởng; trên cơ sở đó hình thành các mục tiêu chương trình. Các chiến lược hay giải pháp hữu hiệu từ đó được cân nhắc, lựa chọn phù hợp với năng lực của tổ chức và mối quan tâm và ảnh hưởng của các bên liên quan, để rồi có thể lập được kế hoạch hoạt động cụ thể, khả thi và có thể đánh giá một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, tăng cường năng lực của cộng đồng để cùng với các bên liên quan triển khai thực hiện chương trình nâng cao sức khỏe cũng là những khía cạnh nội dung quan trọng được đề cập trong môn học này.

4.2. Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe: 2 TC(1LT – 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Nghiên cứu khoa học, Nghiên cứu định tính, Tổ chức và quản lý hệ thống y tế, Nâng cao sức khỏe

Các nhà hoạch định chính sách, quản lý, các nhà chuyên môn về y tế ngày càng nhận ra rằng các yếu tố về môi trường kinh tế xã hội, hành vi lối sống đóng vai trò quan trọng đối với sức khỏe của cộng đồng. Do vậy, đánh giá các chương trình sức khỏe ngày càng trở nên quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết nhằm chứng minh hiệu quả của đầu tư cho chương trình và để tăng hiệu quả trong đạt được các mục tiêu của chương trình sức khỏe. Môn học Đánh giá các chương trình nâng cao sức khỏe cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết để tham gia lập kế

hoạch, thực hiện, viết báo cáo và phổ biến kết quả đánh giá chương trình giáo dục và nâng cao sức khỏe.

4.3. Vận động trong thực hành nâng cao sức khỏe: 2 TC (1LT-1TH)

Điều kiện tiên quyết: Nâng cao sức khỏe, Chính sách y tế

Môn học Vận động trong thực hành nâng cao sức khỏe cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản và khung cơ sở để hiểu được vai trò quan trọng của vận động trong việc thúc đẩy sự ra đời, thực thi và duy trì các chính sách y tế công cộng hiệu quả trong các chương trình nâng cao sức khỏe. Thông qua các bài đọc, bài giảng, bài tập, hoạt động đóng vai, lập kế hoạch hành động cho chiến dịch vận động và phát triển các sản phẩm thường sử dụng trong vận động qua phương tiện thông tin đại chúng, sinh viên sẽ hình thành các kỹ năng cơ bản để có thể tham gia thực hiện vận động hiệu quả cho các chương trình nâng cao sức khỏe.

4.4. Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội: 3 TC (2LT - 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Nâng cao sức khỏe; Tâm lý học sức khỏe, Nhân học và Xã hội học sức khỏe

Môn học TTSK-TTXH cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình truyền thông, các cách tiếp cận và phương pháp truyền thông nhằm cung cấp thông tin, tác động thay đổi thái độ và hành vi. Ý tưởng, thông điệp truyền thông, cách thiết kế và thử nghiệm thông điệp và tài liệu truyền thông sẽ được trình bày, thảo luận. Môn học cũng đề cập các nguyên lý cơ bản của TTXH, các thành tố của hỗn hợp tiếp thị và mối liên quan giữa chúng. TTSK và TTXH sẽ là những nguyên liệu giá trị để người làm công tác TT-GDSK nghiên cứu, áp dụng trong việc thiết kế chương trình và thực hiện chương trình GDSK-NCSK cụ thể tại các địa điểm, cơ sở cụ thể trong cộng đồng. Đây cũng là nhu cầu đào tạo bức thiết của cán bộ y tế tham gia công tác TT-GDSK hiện nay.

5. Định hướng Dân số học

5.1. Thống kê dân số y tế: 2 TC (1LT – 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Thống kê y tế cơ bản

Học phần này giúp cho học viên hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến thống kê y tế và thống kê dân số. Nội dung của học phần bao gồm các phương pháp thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu của thống kê dân số, tính toán các đặc trưng dân số và cách thức lập các báo cáo thống kê của ngành y tế và DS-KHHGĐ. Sau khi học xong học phần này học viên có thể vận dụng các kiến thức được học vào việc lập các báo cáo thống kê chuyên ngành y tế và dân số-KHHGĐ hiện hành, có thể vẽ được tháp dân số, dự báo dân số của địa phương bằng phương pháp đơn giản.

5.2. Truyền thông DS-KHHGĐ: 2 TC(1LT - 1TH)

Học phần này giúp cho học viên có những hiểu biết cơ bản về truyền thông dân số -KHHGĐ. Nội dung của học phần bao gồm lý thuyết và kỹ năng về truyền thông, vận động, truyền thông thay đổi hành vi và tư vấn về DS-KHHGĐ; lý thuyết và các kỹ năng cần thiết về truyền thông GDSK, DS-KHHGĐ; xây dựng và tổ chức, thực hiện các chiến dịch truyền thông về DS-KHHGĐ tại cộng đồng. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng được trang bị vào việc xây dựng và tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông về dân số - KHHGĐ ở địa phương.

5.3. Quản lý Chương trình Dân số- KHHGĐ: 2 TC (1LT - 1H)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong môn các nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về KH quản lý, kiến thức và kỹ năng quản lý CT DS-KHHGĐ. Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức chung về quản lý, kiến thức và kỹ năng lập KH, tổ chức thực hiện KH, kiểm tra, giám sát và đánh giá chương trình DS-KHHGĐ. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng

các kiến thức đã được trang bị vào quản lý và triển khai thực hiện các hoạt động của CT dân số - KHHGĐ ở địa phương.

5.4. Kinh tế Dân số y tế: 2 TC (2LT - 0 TH)

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế y tế và kinh tế dân số. nội dung của học phần bao gồm sự liên quan của các biến kinh tế với dân số và y tế, các khái niệm và cách tính chi phí và hiệu quả kinh tế của CTCSSK và dân số- KHHGĐ. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể phân tích và tính toán một số chi phí và hiệu quả kinh tế đơn giản của các chương trình CSSK và DS-KHHGĐ

5.5. Chính sách dân số : 2 TC (2LT - 0TH)

Học phần này giúp cho người học có được những kiến thức cơ bản về chính sách dân số của Việt nam và một số nước trong khu vực. ội dung của học phần bao gồm quan điểm, đường lối về dân số-KHHGĐ của Đảng và Nhà nước, nội dung, đặc điểm và quá trình xây dựng chính sách dân số ở VN; Những bài học kinh nghiệm về việc áp dụng chính sách DS ở một số nước trong khu vực và ở Việt nam. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức được trang bị để tư vấn cho lãnh đạo trong quá trình tổ chức, thực hiện công việc theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

6.Các môn học/học phần tự chọn khác

6.1. Phân tích số liệu bằng STATA: 3 TC (1 LT– 2TH)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - Thống kê y học, Dịch tễ học cơ bản

Đây là một môn học tự chọn của sinh viên Y tế công cộng năm thứ 4, môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong việc phân tích số liệu cho các cuộc điều tra/ nghiên cứu trong lĩnh vực y tế sử dụng chương trình phần mềm STATA. Sinh viên tham dự khóa học này đã phải hoàn thành các khóa học về thống kê cơ bản, dịch tễ học cơ bản…vì thế khóa học chỉ tập trung vào các kỹ năng phân tích số liệu với phần mềm STATA, giúp sinh viên làm quen với các thao tác cơ bản của

STATA và biết cách sử dụng và kết hợp một số lệnh cơ bản trong STATA.

6.2. Tiếp thị xã hội: 2 TC (2LT)

Điều kiện tiên quyết: Nâng cao sức khỏe, Tâm lý học sức khỏe, Nhân học và Xã hội học sức khỏe, Tổ chức và quản lý hệ thống y tế

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về tiếp thị, tiếp thị xã hội, các thành tố của tiếp thị hỗn hợp, vai trò và cách thức tiến hành nghiên cứu ban đầu trước khi thiết kế và triển khai chương trình TTXH nhằm đạt được mục tiêu TTXH đã xác định. Đối tượng đích của chiến dịch TTXH, các yếu tố của tiếp thị hỗn hợp (các yếu tố Ps) sẽ được phân tích kĩ lưỡng theo từng vấn đề sức khỏe cụ thể để việc thiết kế chiến dịch và thực hiện hoạt động xúc tiến đạt hiệu quả.

6.3. Quản lý dự án: 2 TC (2LT)

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế

Quản lý dự án là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến Xây dựng dự án; Tổ chức thực hiện dự án và Theo dõi, đánh giá dự án. Các kiến thức này nhằm giúp cho sinh viên có thể thực hiện được các năng lực (competences) của Cử nhân y tế công cộng sau khi tốt nghiệp.

6.4. Dịch tễ học chấn thương: 2 TC (2LT)

Chấn thương là một vấn đề sức khỏe cần đáng quan tâm của cộng đồng. Trong bối cảnh chuyển dịch mô hình dịch tễ học và sự thay đổi về kinh tế, các quốc gia bao giờ cũng gặp phải vấn đề này. Môn học này sẽ giúp cho sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng trong việc phân tích các mô hình chấn thương, tai nạn thương tích trong các bối cảnh khác nhau. Môn học cũng đồng thời cung cấp cho các sinh viên kỹ năng phân tích các mối nguy cơ, theo dõi và đưa ra được những chiến lược phòng chống chấn thương một cách hiệu quả và phù hợp.

6.5. Theo dõi đánh giá: 2 TC (1LT-1TH)

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế, Dịch tễ học cơ bản, Xác suất - Thống kê y học

Theo dõi và đánh giá là chức năng quan trọng của công tác quản lý. Qua theo dõi và đánh giá, người quản lý sẽ biết được tiến độ của chương trình/hoạt động y tế, và điều quan trọng là xác định được những kết quả kì vọng. Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về nội dung theo dõi đánh giá và kĩ năng xây dựng đề cương đánh giá một chương trình/hoạt động y tế.

6.6. Chương trình Phòng chống HIV/AIDS: 3 TC (2 LT – 1TH)

Hiện nay, chương trình phòng chống HIV/AIDS là một trong những chương trình ưu tiên tại Việt Nam do số lượng người nhiễm vẫn đang tăng nhanh và có nguy cơ lan rộng vào cộng đồng bình thường. Chương trình này được xem là một ví dụ cụ thể trong đó các nguyên lý và chức năng về y tế công cộng được ứng dụng hết sức sinh động. Môn học phòng, chống HIV/AIDS là môn học tự chọn và có vai trò quan trọng đối với những sinh viên đang hoặc sẽ làm việc trong các lĩnh vực y tế như y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe cộng đồng, chăm sóc và điều trị bệnh tại bệnh viện hoặc tại cộng đồng. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản và đầy đủ về chương trình phòng chống HIV/AIDS đang được triển khai tại Việt Nam.